TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/DS-PT
Ngày 22 tháng 5 năm 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 279/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 562/2020/QĐPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Hoài P. Địa chỉ: Số 1-3, Đường C3, khu dân cư Minh Châu, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phúc: Bà Thạch Thị Huỳnh M1. Địa chỉ: Số 193, Đường Nguyễn Huệ, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

Bị đơn:

- Bà Trịnh Thị M. Địa chỉ: Số 256/F12, khu dân cư Hưng Thịnh, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Trần Dù K. Địa chỉ: Số 256/F12, khu dân cư Hưng Thịnh, Phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trịnh Văn N. Địa chỉ: Số 13, Đường Trương Văn Quới, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trịnh Văn B. Địa chỉ: Số 177, ấp Xóm Lớn, xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông N, ông B: Bà Trịnh Thị M. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị L (Chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L:

1. Ông Lâm Văn P1. Địa chỉ: Số 69/2, Ấp 8, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

2. Bà Lâm Thị Y.

3. Ông Lâm Văn H.

4. Ông Lâm Văn Đ.

5. Ông Lâm Văn C1.

6. Ông Lâm Văn T.

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã Ba Trinh, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

7. Ông Lâm Văn X. Địa chỉ: Ấp Phước Phong, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Trương Hoài P trình bày: Ngày 22/10/1995 bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản do cha bà là ông Nguyễn Văn K1 chết để lại và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý ngày 22/10/1995 và thụ lý lại vào ngày 22/01/2010. Vào năm 2000, thì bà Nguyễn Thị H1 chết có các đồng thừa kế là: Bà Bùi Thị Mỹ L2, ông Bùi Việt Bách, ông Bùi Hữu Phiệt, bà Bùi Thị Khánh L2. Đối với bị đơn là ông Lâm Hữu Dũng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L và các con của bà Trịnh Thị L1 là bà Trịnh Thị M, ông Trần Dù K, ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Văn N.

Ngày 07/01/2008, bà Nguyễn Thị L, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Văn N, ông Trần Dù K có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông, có nội dung nếu Tòa đưa ra giải quyết mà Tòa án xử cho ông, bà được nhận thừa kế bao nhiêu thì ông, bà thưởng cho ông 50% số tiền hoặc hiện vật được nhận.

Vào ngày 24/4/2008, bà Bùi Thị Mỹ L2 có ký giấy ủy quyền để ủy quyền cho ông tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án và bà Bùi Thị Mỹ L2 đã ký kết hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự số 27/HĐ.2008 ngày 12/4/2008. Nội dung của hợp đồng này là bà L2 đại diện cho các đồng thừa kế, nếu Tòa xử được chia thừa kế di sản tọa lạc tại Số 164, Lý Thường Kiệt, Khóm 1, Phường 1, thành phố Sóc Trăng (Rạp hát Nguyễn K1) và nhà máy Cảnh K1 Hưng tọa lạc tại số 298, Lý Thường

Kiệt, Khóm 4, Phường 4, thành phố Sóc Trăng thì bà L2 cho ông được hưởng 25% trên số tiền hoặc hiện vật mà các anh em bà được nhận.

Sau khi ký hợp đồng và giấy ủy quyền nêu trên thì ông thường xuyên liên hệ và yêu cầu Tòa án nhanh chóng xem xét, giải quyết vụ án, ngày 22/10/2010 ông làm đơn yêu cầu thẩm định, định giá tài sản tranh chấp và ông nộp các khoản tiền mà Tòa yêu cầu theo biên lai thu tiền ngày 08/9/2010 và ngày 21/8/2012. Ngày 07/6/2011, ông tham gia hòa giải do Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức; ngày 12/7/2012, ông dự buổi thẩm định tại chổ để phục vụ cho việc định giá; ngày 17/6/2014, ông còn dự buổi hòa giải tại Tòa án. Nhưng gần đến ngày xét xử thì bà L2 lại hủy hợp đồng ủy quyền với ông và bà L2, bà L, bà M, ông B, ông N, ông K đơn phương hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông, trong khi ông không có bất cứ một lỗi nào.

Từ việc ông có đủ tư cách tham gia tố tụng nên Tòa án mới giải quyết được bằng bản án số 19/2014/DS-ST ngày 12/12/2014. Theo như bản án số 19 nêu trên đã xét xử thì Tòa án chấp nhận chia thừa kế di sản là nhà máy Cảnh K1 Hưng, có diện tích là 9.196,4m^2, tọa lạc tại số 298, Lý Thường Kiệt, Khóm 2, Phường 4, T phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Di sản này sau khi cắt diện tích cho 07 hộ ở trên phần đất này và tiền hỗ trợ di dời và giao cho ông Lâm Hữu Dũng số tiền 200.000.000 đồng tu bổ mồ mã, thì bán đấu giá, số tiền bán đấu giá được chia cho bà L và các con của bà L1 (phía chị em bà M) và chia cho bà Nguyễn Thị H1 một kỷ phần nhưng do bà H1 chết nên giao cho các con bà H1 được hưởng và giao cho bà L2 đại diện nhận.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị L, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Văn N, ông Trần Dù K phải thực hiện theo các hợp đồng số 07 ngày 07/01/2008 là trả công cho ông 50% trên số tiền hoặc hiện vật thực nhận, theo như bản án số 19/2014/DS-ST ngày 12/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã xét xử. Đồng thời, tuyên xử tạm giữ số tiền bán đấu giá được tài sản tranh chấp, do Trung tâm đấu giá thực hiện, nhằm đảm bảo việc thi hành án sau này.

Đến ngày 04/11/2018, ông Trương Hoài P khởi kiện bổ sung với yêu cầu cụ thể như sau: Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho ông tiền hứa thưởng là 2.010.063.392 đồng (Hai tỉ, không trăm mười triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng); buộc bà Trịnh Thị M trả cho ông tiền hứa thưởng là 502.515.847 đồng (năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng); buộc ông Trịnh Văn B trả cho ông tiền hứa thưởng là 502.515.847 đồng (năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng); buộc ông Trịnh Văn N trả cho ông tiền hứa thưởng là 502.515.847 đồng (năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng); buộc ông Trần Dù K trả cho ông tiền hứa thưởng là 502.515.847 đồng (năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm mười lăm nghìn, tám trăm bốn mươi bảy đồng);

Bà Trịnh Thị M có ý kiến trình bày như sau:

Vào ngày 07/01/2008, bà có xác lập hợp đồng với ông Trương Hoài P để mướn ông P biện hộ cho bà và bà có hứa khi nào nhận được tiền cho ông P 50% nhưng sau đó bà hủy hợp đồng với ông P vì ông P không biện hộ được gì cho bà mặc dù bà có

nói với ông P là trong Tòa án có phát sinh điều gì thì cho bà biết và nếu bà biết những gì thì bà cung cấp cho ông nhưng ông P không bao giờ cho bà biết vấn đề gì cả. Do thấy lâu quá không có biết được gì nên bà có đến văn phòng luật sự để hỏi thì luật sư P nói qua loa rồi đuổi về và nói để ông lo cho bà, nhiều khi bà tới hỏi chuyện thì ông P nói khi nào bà Bùi Thị Mỹ L2 về nước và lại văn phòng ông thì ông sẽ cho bà hay nhưng khi bà L2 về nước cũng không cho hay. Khi bà hỏi lý do thì ông P nói sợ bà L2 giận vì bà và bà L2 đối lập với nhau. Ông P nhận một vụ án mà cùng lúc H1 người đối lập là không đúng. Bà Trịnh Thị M là bị đơn cũng như đại diện cho các bị đơn khác không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hoài P.

Sau khi vụ án thừa kế được xét xử xong thì bà Trịnh Thị M đã nhận được 950.000.000 đồng từ việc thi hành án đối với bản án số 19/2014/DS-ST ngày 12/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Dù K và ông Trịnh Văn N đã nhận được mỗi người 400.000.000 đồng từ việc thi hành bản án số 19/2014/DS-ST ngày 12/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Phần của bà Nguyễn Thị L cụ thể thế nào thì bà Trịnh Thị M không nắm được. Số tiền này bà Trịnh Thị M nhận được tại cơ quan thi hành án tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên họp ngày 11/9/2018, bà Trịnh Thị M đồng ý bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P số tiền là 30.000.000 đồng để trả công cho ông Trương Hoài P đại diện cho bà Trịnh Thị M tham gia tố tụng tại Tòa án và các chi phí mà ông P đã bỏ ra để đại diện cho bà Trịnh Thị M để kết thúc tranh chấp giữa các bên. Bà Trịnh Thị M cũng đồng ý trả tiền bồi dưỡng thay cho ông Trịnh Văn N số tiền 20.000.000 đồng, ông Trần Dù K là 20.000.000 đồng để bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P đại diện cho ông N và ông K tham gia tố tụng tại Tòa án và các chi phí mà ông P đã bỏ ra để đại diện cho ông N và ông K để kết thúc tranh chấp giữa các bên. Tuy nhiên, đến phiên họp ngày 26-11-2018 thì bà Trịnh Thị M thay đổi ý kiến là chỉ đồng ý hỗ trợ, bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời rút lại việc trả thay số tiền bồi dưỡng cho các đồng thừa kế các.

Ông Trịnh Văn B có ý kiến trình bày: Ông Trịnh Văn B đồng ý với lời trình bày của bà Trịnh Thị M. Trước đây, ông Trịnh Văn B có thỏa thuận cùng với bà Trịnh Thị M chấp nhận chi 50% số tiền nhận được từ di sản riêng ông Trịnh Văn B nhận được (sau khi xét xử xong), nhưng sau khi chị của ông Trịnh Văn B là bà Trịnh Thị M chấm dứt hợp đồng đại diện thì ông Trương Hoài P có gặp ông Trịnh Văn B và nói với ông là đã hủy hợp đồng với bà Trịnh Thị M rồi, chứng tỏ ông đã biết việc bị hủy hợp đồng. Sau đó vào ngày 07/02/2013, ông Trịnh Văn B và ông Trương Hoài P có xác lập Hợp đồng thuê bảo vệ quyền lợi số 29/2013/HĐ, thỏa thuận lại còn 40%, đồng thời ông P có cho ông Trịnh Văn B mượn riêng 10.000.000 đồng. Đ ngày 21/5/2013, ông Trịnh Văn B và ông P thỏa thuận giảm từ 40% xuống còn 25% số tiền nhận được từ di sản riêng ông Trịnh Văn B nhận được. Sau khi vụ án rạp hát Nguyễn K1 và nhà máy Cảnh K1 Hưng xét xử xong, ông Trịnh Văn B đã nhận được số tiền là hơn 400.000.000 đồng từ việc thi hành án đối với bản án số 19/2014/DS-ST ngày 12/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Số tiền này ông Trịnh Văn B nhận được tại cơ quan thi hành án tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên họp ngày 11/9/2018 và ngày 26/11/2018, ông Trịnh Văn B đồng ý bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P số tiền là 20.000.000 đồng để trả công cho ông Trương Hoài P đại diện cho ông Trịnh Văn B tham gia tố tụng tại Tòa án và các chi phí mà ông P đã bỏ ra để đại diện cho ông Trịnh Văn B. Ông Trịnh Văn B trả cho ông Trương Hoài P số tiền là 10.000.000 đồng đã mượn của ông Trương Hoài P để kết thúc tranh chấp giữa các bên.

Theo Biên bản xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ ngày 03/8/2018 ông Lâm Văn P1 (con bà Nguyễn Thị L) trình bày: Việc ông Trương Hoài P khởi kiện mẹ của ông (bà Nguyễn Thị L) là không có căn cứ vì luật sư P không hoàn thành trách nhiệm của luật sư. Ông P1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoài P.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, Điều 147, Điều 217 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 513, 514, 517, 518, 519, 525 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoài P đối với phần rút yêu cầu khởi kiện bà Bùi Thị Mỹ L2;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hoài P. Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị L (đã chết và có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là các ông/bà: Lâm Văn P1, Lâm Thị Y, Lâm Văn C1, Lâm Văn Đ, Lâm Văn H, Lâm Văn T và Lâm Văn X), Trịnh Văn B, Trịnh Văn N, Trần Dù K, Trịnh Thị M phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trương Hoài P số tiền là 3.000.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu đồng) tương ứng nghĩa vụ mỗi bị đơn (L, M, B, N, K) phải chịu là 600.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hoài P về việc buộc các bị đơn Nguyễn Thị L (đã chết và có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là các ông/bà: Lâm Văn P1, Lâm Thị Y, Lâm Văn C1, Lâm Văn Đ, Lâm Văn H, Lâm Văn T và Lâm Văn X), Trịnh Văn B, Trịnh Văn N, Trần Dù K, Trịnh Thị M phải thanh toán số tiền là 4.017.126.780 đồng (từng người cụ thể là bà Nguyễn Thị L 2.009.463.392 đồng, ông Trần Dù K là 501.915.847 đồng, ông Trịnh Văn B là 501.915.847 đồng, ông Trịnh Văn N là 501.915.847 đồng, bà Trịnh Thị M là 501.915.847 đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị đơn như sau:

- Bà Trịnh Thị M tự nguyện bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P số tiền là 30.000.000 đồng để trả công cho ông Trương Hoài P. Bà Trịnh Thị M cũng đồng ý trả

thay cho ông Trịnh Văn N số tiền 20.000.000 đồng, trả thay cho ông Trần Dù K là 20.000.000 đồng để bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P.

- Ông Trịnh Văn B đồng ý bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P số tiền là 20.000.000 đồng và trả lại cho ông Trương Hoài P số tiền là 10.000.000 đồng đã mượn của ông Trương Hoài P.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/3/2019, ông Trương Hoài P (nguyên đơn trong vụ án) kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm. Buộc những người sau đây phải trả tiền cho ông theo Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự số 27/2008 ngày 12/4/2008; cụ thể yêu cầu các ông, bà phải trả cho ông như: Bà Nguyễn Thị Lữu 2.009.915.392 đồng; ông Trần Dù K phải trả 501.915.847 đồng; ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Văn N, bà Trịnh Thị M mỗi người phải trả cho ông 501.915.847 đồng.

Tòa đã triệu tập nhiều lần (hợp lệ 02 lần) nhưng ông P, đại diện cho ông P vẫn vắng mặt không lý do.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trịnh Thị M (bị đơn trong vụ án) cũng có đơn kháng cáo yêu cầu xét xử hủy phần 02 và phần 04 của bản án sơ thẩm. Bà cho rằng tại Tòa án cấp sơ thẩm bà tự nguyện bồi dưỡng và hỗ trợ cho ông P theo như ghi nhận của bản án sơ thẩm nhưng ông P không đồng ý, nên bà kháng cáo yêu cầu hủy 02 phần trên của án sơ thẩm xử, bà không đồng ý bồi thường cũng như hỗ trợ cho ông P nữa. Bà Trịnh Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt bà tại phiên tòa.

Tại Tòa Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng ông Trương Hoài P và đại diện cho ông P được triệu tập hợp lệ 02 lần mà vẫn vắng mặt nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự -Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trương Hoài P, phần án sơ thẩm xét xử đối với kháng cáo của ông Trương Hoài P đã có hiệu lực pháp luật

Đối với bà Trịnh Thị M, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà và các bị đơn khác phải liên đới bồi hoàn lại cho ông Trương Hoài P 3.000.000 đồng tiền mà P bỏ ra cho phí thẩm định cũng như ghi nhận sự tự nguyện của bà bồi dưỡng cho ông P 30.000.0000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của bà M trả thay cho ông Trịnh Văn N 20.000.000 đồng, trả thay cho ông Trần Dù K 20.000.000 đồng để bồi dưỡng cho ông P như trên là phù hợp với pháp luật quy định, nên Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo này của bà Trịnh Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Trương Hoài P (nguyên đơn) kháng cáo, tòa đã triệu tập hợp lệ 02 lần (lần 01 xử ngày 02/12/2019; lần 02 xử ngày 22/5/2020) nhưng ông P và đại diện cho ông vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trương Hoài P, phần án sơ thẩm xét xử có liên quan đến kháng cáo của ông Trương Hoài P đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của bà Trịnh Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà M.

Xét về nội dung kháng cáo của bà M thì thấy:

Theo Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự số 27/2008 ngày 12/4/2008 thì bà Bùi Thị Mỹ L2 đại diện cho các thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 ký Hợp đồng với ông Trương Hoài P -Tư vấn pháp luật và đại diện tham gia tố tụng- Nếu Tòa án xử chia di sản là rạp hát Nguyễn K1 (Số 164, Lý Thường Kiệt, Khóm 1, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) và nhà máy Cảnh K1 Hưng (Số 298, Lý Thường Kiệt, Khóm 4, Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng) thì ông P được hưởng 25% trên số tiền được nhận. Theo hồ sơ vụ kiện thể hiện, trước ngày 12/4/2008 khi ký Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự với bà L2 thì ngày 07/01/2008 ông P ký Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự với bà Nguyễn Thị L, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Văn N, ông Trần Dù K. Nếu Tòa án xử chia thừa kế các tài sản trên thì ông P được hưởng 50% trên số tiền hoặc hiện vật mà các ông, bà được hưởng.

Theo hồ sơ vụ kiện thể hiện, trước ngày 12/4/2008, khi ký Hợp đồng tư vấn và tham gia tố tụng dân sự với bà L2 thì ngày 07/01/2008 ông Phúc ký Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự với bà Nguyễn Thị L, bà Trịnh Thị M, ông Trịnh Văn B, ông Trịnh Văn N và ông Trần Du K, nếu Tòa xử chia thừa kế các tài sản trên thì ông P được hưởng 50% trên số tiền hoặc hiện vật mà các ông, bà được hưởng.

Theo bà Trịnh Thị M cho rằng ông P vừa ký Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự cho phía bên bà Bùi Thị Mỹ L2 vừa bảo vệ quyền lợi cho phía bên bà. Quyền lợi của 02 bên đối lập, nên ngày 26/6/2011 bà có đơn chấm dứt Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự, ủy quyền với ông Trương Hoài P đến ông P và đến Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Trương Hoài P ký 02 Hợp đồng tư vấn pháp luật và đại diện tham gia tố tụng với bà Bùi Thị Mỹ L2 và phía bên bà Trịnh Thị M, giữa H1 bên có quyền lợi đối lập nhau thì không được phép ký Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự cho cả H1 bên. Hơn nữa theo Hợp đồng tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng dân sự ngày 07/01/2008 có 05 Điều nhưng không có quy định nếu giữa chừng chấm dứt hợp đồng thì phải chịu hậu quả pháp lý như thế nào. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông P có bỏ ra 3.000.000đ chi phí thẩm định để buộc các bị đơn phải trả lại cho ông P 3.000.000đ như trên là có căn cứ.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Trịnh Thị M tự nguyện bồi dưỡng cho ông P 30.000.000 đồng, tự nguyện bồi dưỡng cho ông P thay cho ông Trịnh Văn N, ông Trần Dù K mỗi người 20.000.000 đồng = 40.000.000 đồng. Đây là tự nguyện của bà M nên án sơ thẩm ghi nhận. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị M đòi hủy tại phần 02 và phần 04 của quyết định sơ thẩm.

[3] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được ghi nhận

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trương Hoài P.

Phần bản án sơ thẩm xét xử có liên quan đến kháng cáo của ông Trương Hoài P đã có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị M.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, Điều 147, Điều 217, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 513, Điều 514, Điều 517, Điều 518, Điều 525 Bô luật dân sự năm 2005 và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị M tự nguyện bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P 30.000.000 đồng để trả cho ông P. Bà Trịnh Thị M cũng có trách nhiệm trả thay ông Trịnh Văn N 20.000.000 đồng; trả thay cho ông Trần Dù K 20.000.000 đồng để bồi dưỡng cho ông Trương Hoài P.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí:

Ông Trương Hoài P phải nộp 300.000 đồng chi phí dân sự phúc thẩm. Ngày 26/3/2019 ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2016/0006629 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng, số tiền này được chuyển qua thi hành phần án phí phúc thẩm phải nộp như trên.

Bà Trịnh Thị M được miễn án phí (người cao tuổi) theo quy định của pháp luật.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/5/2020./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án, ĐTT-18b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung